Panasonic®

Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt sấy
(Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-S106FX1 NA-S96FG1**

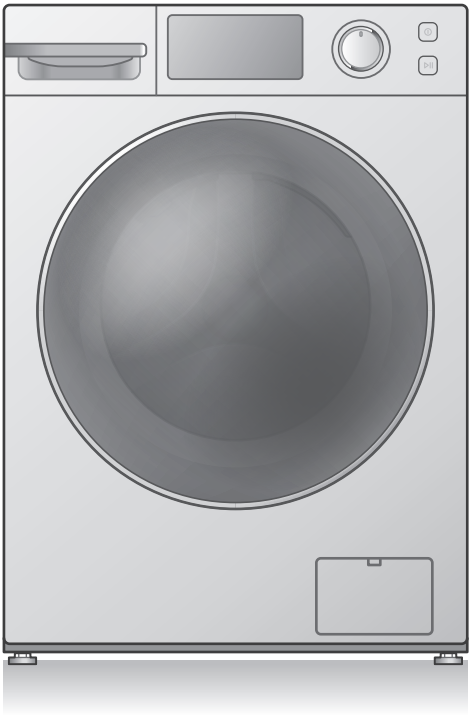

Nội dung

	Lưu ý về an toàn	2
	Kiểm tra máy giặt	7
	Trước khi giặt	8
	Bảng điều khiển	10
	Chất giặt tẩy	12
	Giặt & Sấy	14
	Các chương trình	16
	Chi tiết chương trình	18
	Mẹo giặt & sấy đồ	20
	Thay đổi cài đặt chương trình	22
	Thay đổi cài đặt thiết bị	30
	Bảo dưỡng	31
	Để có kết quả tốt hơn	36
	Xử lý sự cố	37
	Lỗi hiển thị	44
Lắp đặt	Chọn đúng chỗ	46
Lắp đặt	Di chuyển và Lắp đặt	47
Lắp đặt	Nối đường ống	49
Lắp đặt	Chạy thử	51
	Thông số kỹ thuật	52

Cần đọc những hướng dẫn này.

VI

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.
- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.
- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.

AWW9901C4DC0-0C5

Lưu ý về an toàn

⚠ CẢNH BÁO

Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.

- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Cài đặt Khóa an toàn. (Tr. 30)

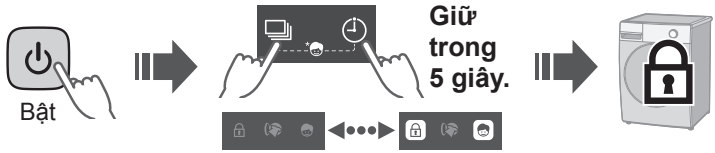

Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật

Không chạm khi tay ướt.

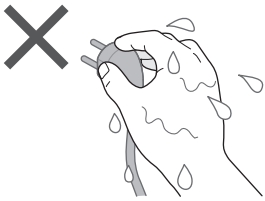

Không cầm hoặc kéo dây nguồn.

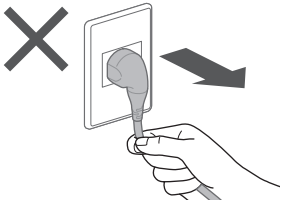

Không sử dụng.

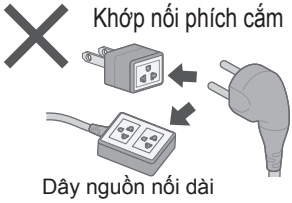

Cắm chặt.

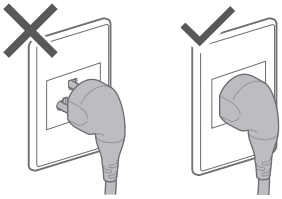

Không sử dụng.

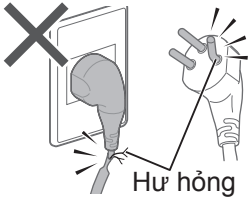

- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.

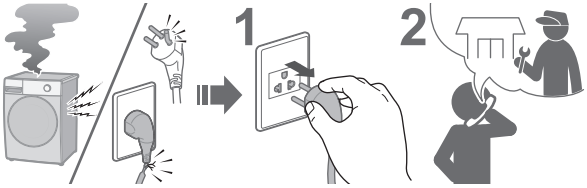

Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.

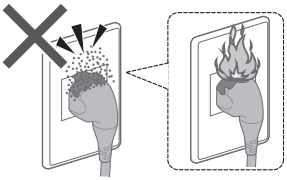

Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.

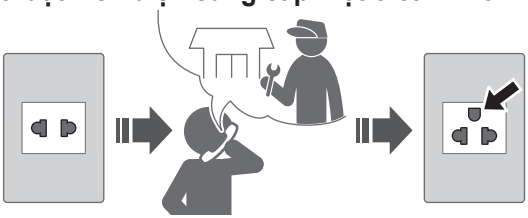

Vệ sinh phích cắm định kỳ.

Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.

Ví dụ)

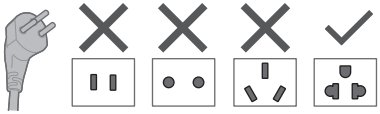

- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

Để các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.

Có thể gây hỏng hóc

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.

Lưu ý về an toàn (tiếp)

⚠ CẢNH BÁO

Có thể gây hỏa hoạn (Để sử dụng máy sấy an toàn)

Không sấy các đồ vật dính chất liệu dễ cháy.

- Không được sấy các đồ vật bị dính các chất như dầu ăn, axeton, cồn, xăng, dầu hỏa, chất tẩy vết đốm, nhựa thông, sáp, chất tẩy sáp và dầu mỹ phẩm ngay cả khi đã được rửa sạch.

Làm trống tất cả các túi.

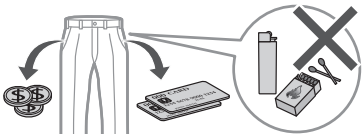

- Đảm bảo rằng không có đồ vật nào bị bỏ lại trong túi. Đặc biệt chú ý đến bật lửa và diêm. Chúng có thể gây cháy.

Không sấy các vật dụng làm bằng cao su, v.v.

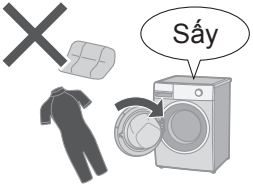

- Không nên làm khô các vật dụng như cao su xốp, mũ tắm, vải dệt không thấm nước, vải kín khí, các vật dụng có lưng cao su và quần áo hoặc gối có đệm cao su xốp trong thiết bị. Những vật liệu đó có thể bị phá hủy và do đó làm hỏng thiết bị.
- Không sấy các vật dụng chưa giặt trong thiết bị này.

Không được để xơ vải tích tụ xung quanh thiết bị.

Tuân thủ những điều sau đây.

- Không bao giờ dừng thiết bị trước khi kết thúc chu trình sấy trừ khi tất cả các vật dụng được nhanh chóng lấy ra và tản ra ngoài để tản nhiệt.
- Không được sử dụng thiết bị nếu đã sử dụng hóa chất công nghiệp để làm sạch.
- Không được kết nối máy giặt này với các thiết bị chuyển mạch bên ngoài, chẳng hạn như bộ hẹn giờ, hoặc kết nối với mạch điện thường xuyên được bật và tắt bởi một tiện ích.

⚠ CẨN THẬN

Có thể gây rò rỉ nước

Khóa vòi nước sau khi giặt xong.

Sử dụng bộ ống nước mới.

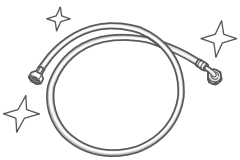

- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

Có thể gây thương tích

Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đậy.

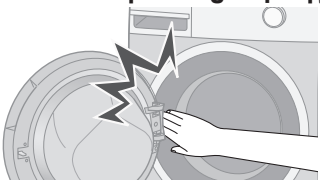

Không leo lên thiết bị.

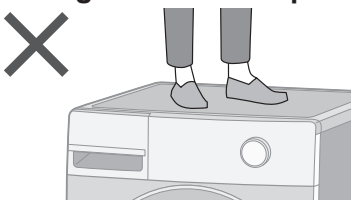

Không chạm khi máy đang nóng.

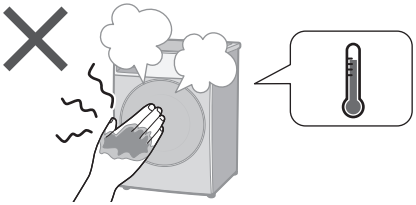

Lắp đặt thiết bị đúng cách.

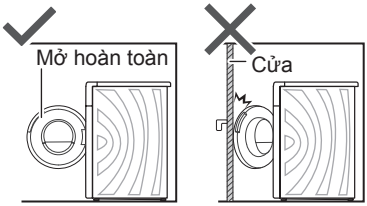

- Không được lắp đặt thiết bị phía sau cửa có khóa, cửa trượt hoặc cửa có bản lề ở phía đối diện với cửa thiết bị, sao cho việc mở hoàn toàn cửa thiết bị không bị hạn chế.

■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Tr. 52.

Lưu ý về an toàn (tiếp)

⚠ CẨN THẬN

Có thể gây hỏng hóc

Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.

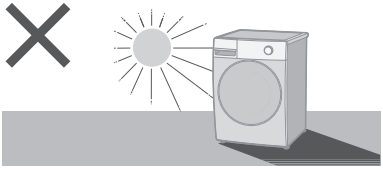

Tháo các bulông neo bệ máy trước khi vận hành.

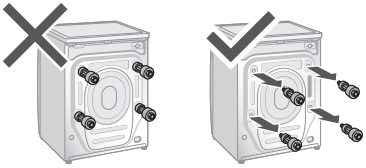

Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.

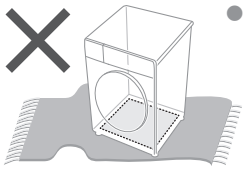

- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v.

Không kết nối với nguồn nước nóng.

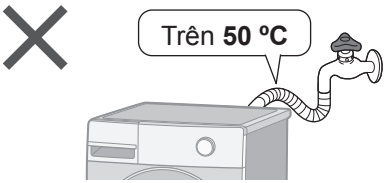

Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.

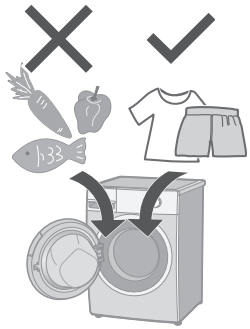

- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
  - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
  - nhà ở trang trại;
  - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
  - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
  - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

Không giặt các quần áo dính quá nhiều dầu mỡ.

Thực hiện theo hướng dẫn

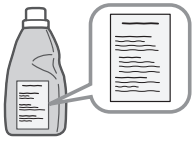

- Nên sử dụng chất làm mềm vải, hoặc các sản phẩm tương tự theo hướng dẫn sử dụng của chúng.

Kiểm tra máy giặt

Tên các bộ phận

Ngăn đựng bột giặt (Tr. 12)

Bảng điều khiển (Tr. 10)

Cửa

Lồng giặt

Bản lề

Mép cửa

Nắp bộ lọc thoát nước (Tr. 35)

Chân điều chỉnh được (Tr. 48)

Đường nước vào (Tr. 50)

Ống xả (Tr. 49, 50)

Bulông neo bệ máy (Tr. 48)

Dây điện và phích cắm*

* Hình dạng phích cắm thay đổi theo khu vực.

Phụ kiện

☐Đoạn cong (Tr. 50)

☐Nắp phủ (4) (Tr. 48)

☐Ống cấp nước (Tr. 49, 50)

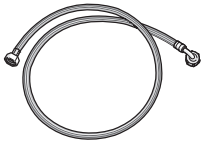

☐Tấm bọc đáy (1) / Vít (1) (Tr. 47)

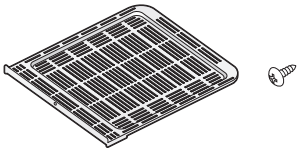

Trước khi giặt

Chuẩn bị giặt ủi

Trước khi cho quần áo vào máy

- Loại bỏ dị vật.

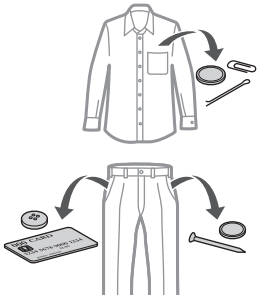

- Dùng lưới giặt cho các loại quần áo mỏng nhẹ, dễ hỏng và các món đồ nhỏ.

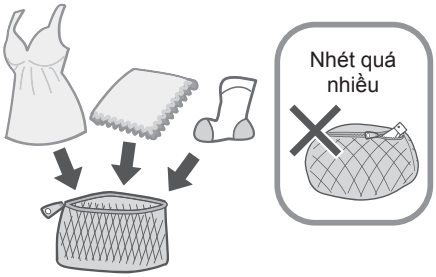

Kiểm tra trước khi giặt

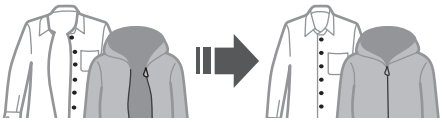

Quần áo có khả năng bị xoắn

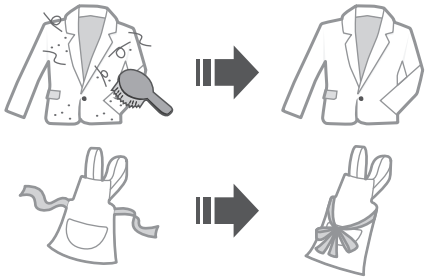

- Xem kỹ nhãn hướng dẫn chăm sóc quần áo.

- Giặt riêng.

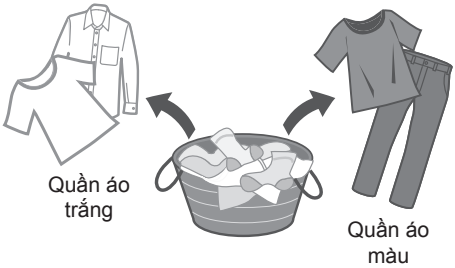

- Xử lý sơ bộ các chỗ vết bẩn nặng.

LƯU Ý

- Khuyến cáo nên sử dụng các chương trình “Bùn đất / Nước sốt / Cổ và tay áo” (Tr. 17) để loại bỏ các vết bẩn.

Không thể giặt hoặc sấy

Không thể giặt hoặc sấy

Da / lông thú

Lụa, lụa nhân tạo (Vải pha trộn)

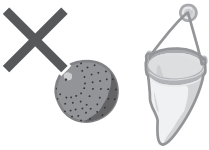

Các sản phẩm hỗ trợ giặt bán sẵn trên thị trường

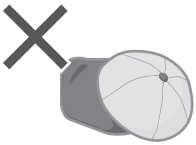

Mũ có vật liệu lõi cứng

Đệm, Gối, v.v.

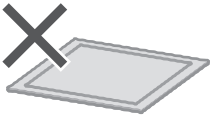

Đệm cao su hoặc thảm dày

Tã giấy

Khác...

- Các sản phẩm có nếp nhăn và in nổi
- Vải nhiễu
- Quần áo dễ biến dạng (áo khoác, và vạt, váy, v.v.)
- Vải nhung

Không thể sấy

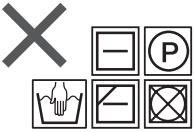

Bất kỳ ký hiệu nào ở trên

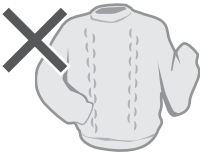

Quần áo len

Quần bó hoặc quần tất

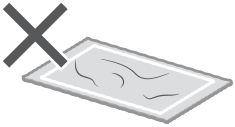

Thảm hoặc các vật dụng khác vướng tóc hoặc lông vật nuôi

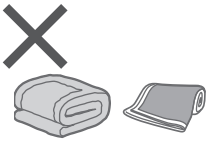

Chăn màn

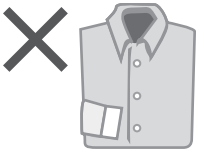

Quần áo có chất hồ vải

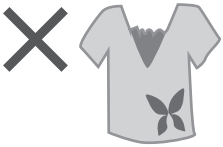

Quần áo có ren hoặc thêu, sợi tổng hợp mới, v.v.

LƯU Ý

- Có thể gây biến dạng quần áo, hư hỏng và gây hại hoặc trục trặc cho thiết bị.

Bảng điều khiển

- Hình ảnh trong các hướng dẫn này là của thiết bị NA-S106FX1, trừ khi có quy định khác.

Hiển thị

Khóa
- Cửa bị khóa
- Cửa và các nút bấm đều bị khóa (Khóa an toàn) (Tr. 30)

Đèn báo Thêm đồ giặt:
Có thể thêm quần áo khi đèn này sáng. (Tr. 14)

Quá trình
- Giặt
- Xả
- Vắt
- Sấy

Chế độ sấy (Tr. 21)

Vệ sinh lọc sấy (Tr. 34)

Đèn báo ECONAVI (Tr. 23)

Đèn báo chức năng tùy chọn

(Tr. 28) (Tr. 27)

(Tr. 34) (Tr. 27)

(Tr. 26) (Tr. 29)

S106FX1

Tốc độ vắt

: Chỉ xả (không xoay)

Nhiệt độ nước

Thời gian còn lại

Lỗi hiển thị (Tr. 44)

(ví dụ U11)

■ **NA-S96FG1**

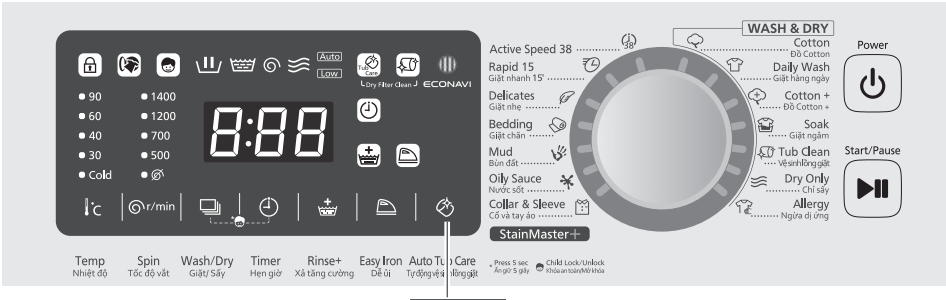

Tự động vệ sinh lồng giặt (Tr. 28)

Nút điều khiển

■ **NA-S106FX1**

Núm xoay chọn chương trình (Tr. 16)

Nút nguồn

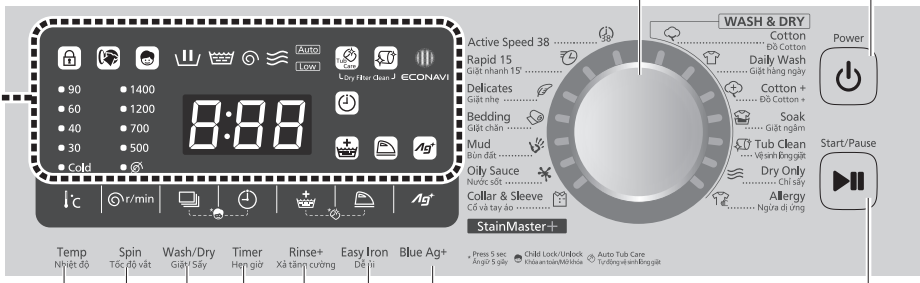

S106FX1

Nút Khởi động/ Tạm dừng

Blue Ag+ (Tr. 29)

Dễ ủi (Tr. 27)

Xả tăng cường (Tr. 27)

Nhấn cùng lúc: Tự động vệ sinh lồng giặt (Tr. 28)

Hẹn giờ (Tr. 26)

Giặt/Sấy (Tr. 24)

Nhấn cùng lúc: Khóa an toàn (Tr. 30)

r/min Vắt (Tr. 23)

Nhiệt độ (Tr. 22)

Thao tác cảm ứng

Các nút vận hành đều là loại cảm ứng điện dung (Ngoại trừ ⏻ / ▶II).

- Nếu nước, chất giặt tẩy hoặc nước xả dính vào, hãy tắt và lau bằng khăn, v.v. ngay lập tức. (Nguyên nhân sự cố)

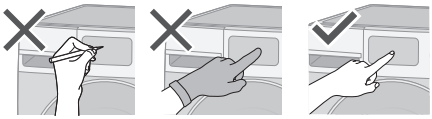

LƯU Ý

- Tắt ➠ bật trở lại

- Không vận hành ➠ tự động tắt nguồn

- Trong trường hợp mất điện
  ➠ Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại. (Tự khởi động lại)

Chất giặt tẩy

Chất giặt tẩy

Sử dụng chất giặt tẩy ít bọt

- Để ngăn chất giặt tẩy còn đọng lại trong ngăn đựng bột giặt:

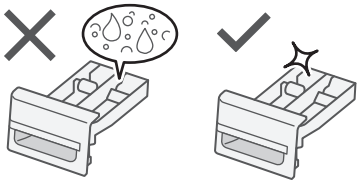

Ướt Khô

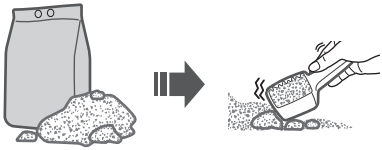

Vón cục Bột giặt

Chất giặt tẩy

Bột giặt

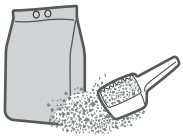

Chất giặt tẩy lỏng

Chất tẩy

Nước xả

Các loại nước xả riêng biệt hoặc đông đặc

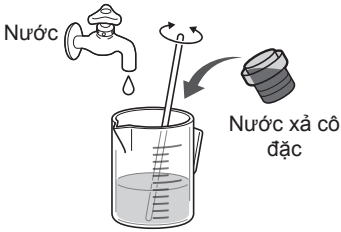

LƯU Ý

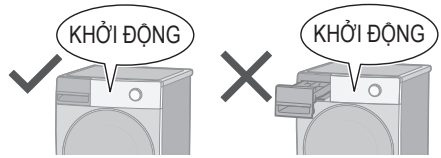

Hộp Ag+ (Tr. 29, 33)

S106FX1

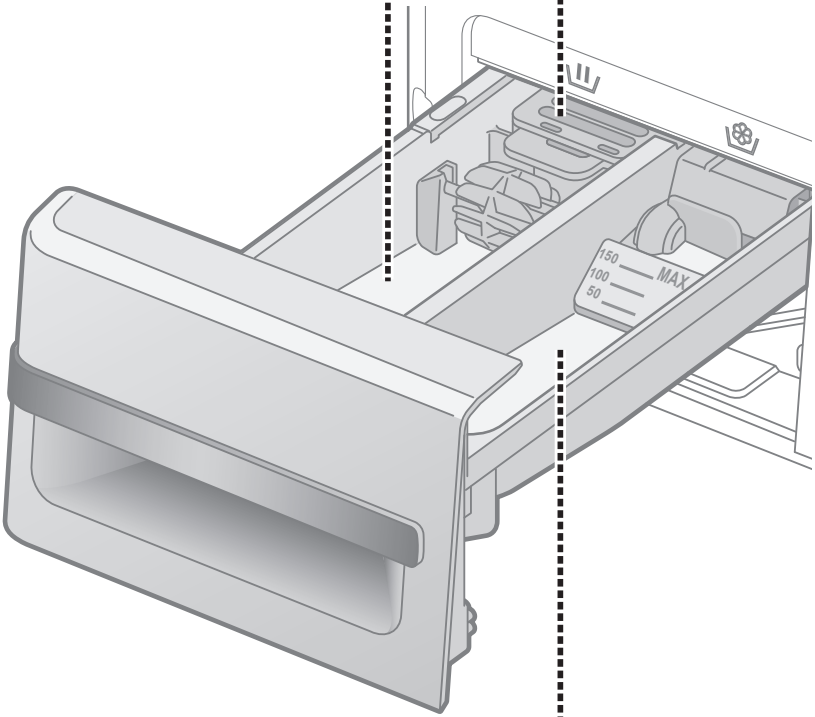

Nước xả

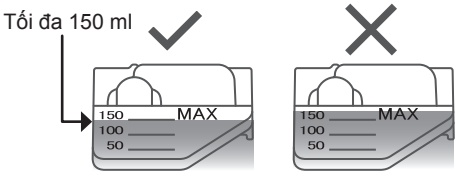

Giặt & Sấy (Phương pháp cơ bản)

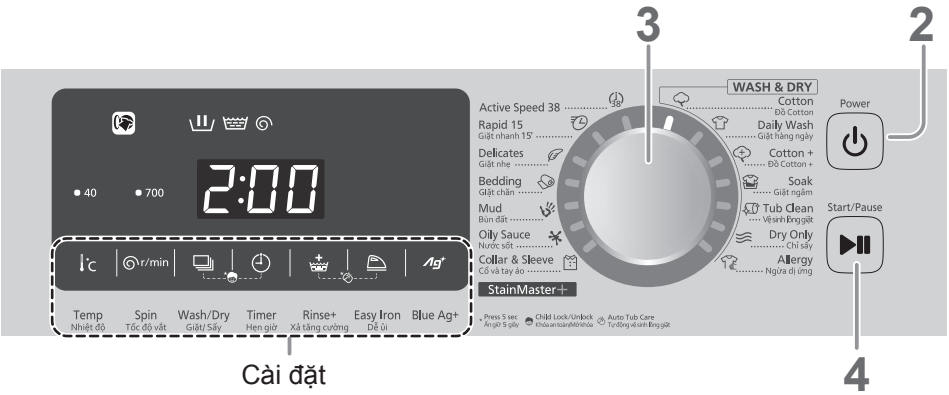

LƯU Ý

■ **Không để đồ giặt bị vướng vào cửa.**

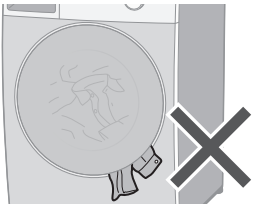

■ **Không bỏ quá nhiều đồ giặt vào lồng giặt.**

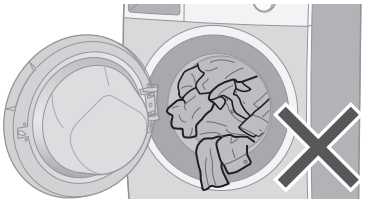

■ **Để mở cửa trong khi đang vận hành**

● **Trong khi giặt**
(Có thể cho thêm quần áo vào khi đèn sáng.)

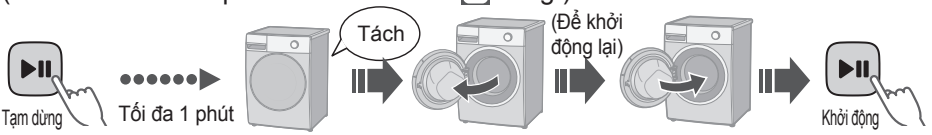

● **Trong khi sấy**

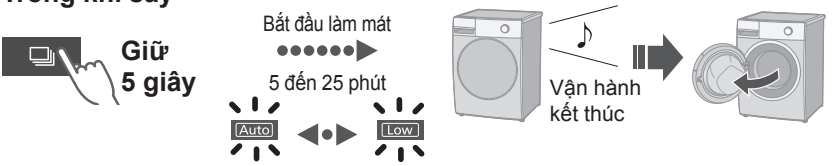

LƯU Ý

● Cửa không mở ➠ (Tr. 38)

1

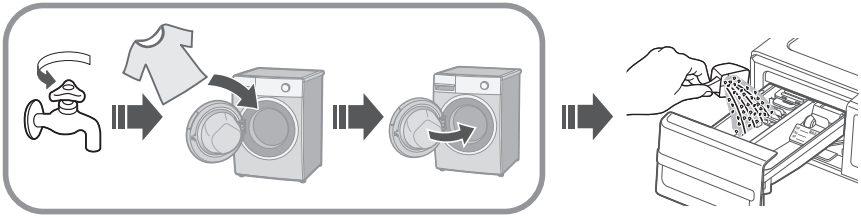

2

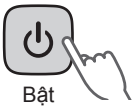

3

Chọn chương trình.
(Tr. 16)

■ **Thay đổi cài đặt.**

Cài đặt

Nhiệt độ (Tr. 22)	Tốc độ vắt (Tr. 23)	Giặt/Sấy (Tr. 24)	Hẹn giờ (Tr. 26)
Xả tăng cường (Tr. 27)	Dễ ủi (Tr. 27)	Blue Ag+ S106FX1 (Tr. 29)	Tự động vệ sinh lồng giặt (Tr. 28)

4

Khởi động

Đo lượng đồ giặt

(30 giây) ● Ngoại trừ các chương trình không cân (Tr. 16)

Hiển thị thời gian cần thiết
(được tính toán lại)

(Ví dụ)

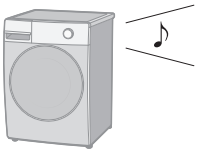

5

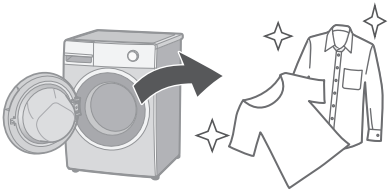

Các chương trình

GIẶT & SẤY / GIẶT

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)			Tổng thời gian	
		Giặt		Sấy		
		S106FX1	S96FG1		GIẶT	GIẶT & SẤY
Đồ Cotton	● Quần áo hàng ngày	10,0	9,0	6,0	2:30	4:15 - 6:35
Giặt hàng ngày	● Quần áo hàng ngày (Nhanh hơn chương trình “Đồ Cotton”)	10,0	9,0	6,0	1:30	3:15 - 5:35
Đồ Cotton +	● Giặt nhẹ nhàng với thời gian lâu hơn	10,0	9,0	6,0	3:00	4:55 - 7:10
Giặt ngâm	● Quần áo bẩn nhiều	5,0			2:00	4:05 - 6:05
Vệ sinh lồng giặt	● Vệ sinh lồng giặt.	Không			3:45	4:25
Ngừa dị ứng	● Dành cho ve bét và phấn hoa	10,0	9,0	6,0	3:15	4:25 - 7:25

- **Tổng thời gian chỉ là tương đối** (Khi lưu lượng cấp nước tiêu chuẩn là 15 L/phút). Đối với nhiệt độ nước mặc định của mỗi chương trình.
- Các chương trình mà khối lượng giặt không được cân sau khi nhấn “Khởi động/Tạm dừng”: Giặt nhanh 15', Giặt nhẹ, Giặt chăn.

GIẶT

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)		Tổng thời gian
		S106FX1	S96FG1	
Active Speed 38	● Lượng đồ giặt nhỏ	5,0		0:38
Giặt nhanh 15'	● Lượng nhỏ đồ giặt ít bẩn	2,0		0:15
Giặt nhẹ	● Giặt nhẹ nhàng	2,0		0:50
Giặt chăn	● Các đồ giặt lớn	3,0		1:30
Bùn đất		10,0	9,0	3:20
Nước sốt		10,0	9,0	3:00
Cổ và tay áo		10,0	9,0	3:10

SẤY

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)	Tổng thời gian
Chỉ sấy	● Dùng để sấy quần áo.	6,0	4:00

Chi tiết chương trình

Chương trình	Cài đặt	Cài đặt tự động			
		Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	Sấy	Nhiệt độ (°C)
GIẶT & SẤY	Đồ Cotton	40	1200	Auto	Cold, 30, 40, 60
	Giặt hàng ngày	40	1200	Auto	Cold, 30, 40, 60
	Đồ Cotton +	60	1400	Auto	Cold, 30, 40, 60
	Giặt ngâm	40	1200	Auto	Cold, 30, 40
	Vệ sinh lồng giặt	40	1200	Auto	40
	Ngừa dị ứng	90	1200	Auto	60, 90
GIẶT	Đồ Cotton	40	1200	–	Cold, 30, 40, 60
	Giặt hàng ngày	40	1200	–	Cold, 30, 40, 60
	Đồ Cotton +	60	1400	–	Cold, 30, 40, 60
	Giặt ngâm	40	1200	–	Cold, 30, 40
	Vệ sinh lồng giặt	40	1200	–	40
	Ngừa dị ứng	90	1200	–	60, 90
	Active Speed 38	40	1200	–	Cold, 30, 40
	Giặt nhanh 15'	Cold	1200	–	Cold
	Giặt nhẹ	30	500	–	Cold, 30, 40
	Giặt chăn	Cold	700	–	Cold, 30
	Bùn đất	40	1200	–	40
	Nước sốt	40	1200	–	40
	Cổ và tay áo	40	1200	–	40
SẤY	Chỉ sấy	–	–	Auto	–

LƯU Ý

- Nhiệt độ nước thực tế có thể khác với nhiệt độ theo chu trình đã tuyên bố.
- Các kết quả thử nghiệm tùy thuộc vào áp lực nước, độ cứng của nước, nhiệt độ đường nước vào, nhiệt độ phòng, loại và lượng tải, mức độ bẩn, chất giặt tẩy được sử dụng, dao động trong nguồn cấp điện chính và các lựa chọn bổ sung đã chọn.

Phạm vi cài đặt		Chức năng tùy chọn						
	Tốc độ vắt (r/min)	Sấy	Giặt/ Sấy	Hẹn giờ	Xả tăng cường	Dễ ủi	Blue Ag+	Tự động vệ sinh lồng giặt
	1200, 1400	Auto, Low, Time	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	1200, 1400	Auto, Low, Time	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	1200, 1400	Auto, Low, Time	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	1200, 1400	Auto, Low, Time	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	1200	Auto	✓	–	–	–	–	–
	1200	Auto, Low, Time	✓	✓	✓	✓	–	✓
	, 500, 700, 1200, 1400	–	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	, 500, 700, 1200, 1400	–	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	, 500, 700, 1200, 1400	–	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	, 500, 700, 1200, 1400	–	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	1200	–	–	–	–	–	–	–
	, 500, 700, 1200	–	–	✓	✓	✓	–	✓
	, 500, 700, 1200, 1400	–	✓	✓	–	✓	✓	✓
	, 500, 700, 1200	–	–	✓	–	–	–	–
	, 500	–	✓	–	✓	–	✓	–
	, 500, 700	–	✓	✓	✓	–	✓	–
	, 500, 700, 1200, 1400	–	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	, 500, 700, 1200, 1400	–	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	, 500, 700, 1200, 1400	–	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	–	Auto, Low, Time	✓	–	–	–	–	–

Blue Ag+: S106FX1

- Cài đặt thời gian sấy: 30, 60, 90, 120, 180, 210 phút
- “Cold” có nghĩa là “Nước lạnh”.

Mẹo giặt & sấy đồ

Giặt chăn

■ Các đồ giặt được

- (Giặt) (Giặt tay)
- 100 % cotton hoặc 100 % sợi tổng hợp

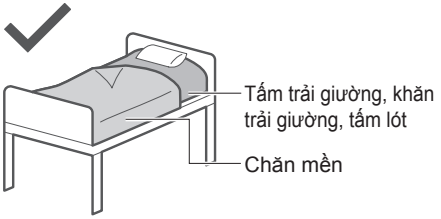

■ Các đồ không giặt được

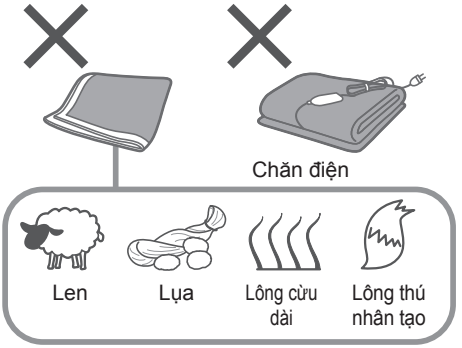

LƯU Ý

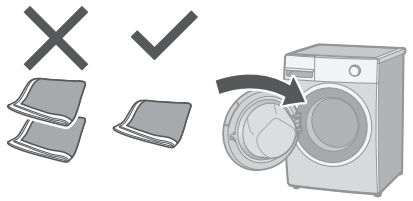

■ Đặt chăn mền vào lồng giặt

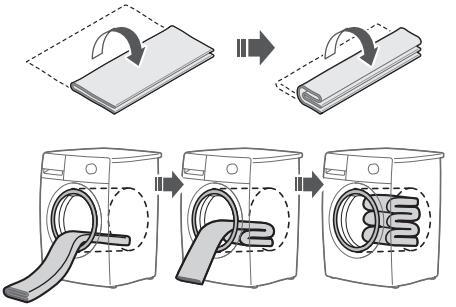

LƯU Ý

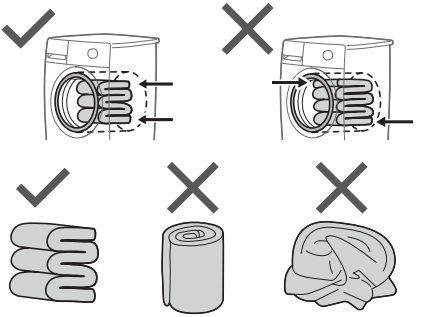

Giặt nhẹ

■ Khi giặt

- Để xả hoàn toàn, hãy dùng chức năng “Xả tăng cường”. (Tr. 27)

LƯU Ý

■ Sau khi hoạt động kết thúc

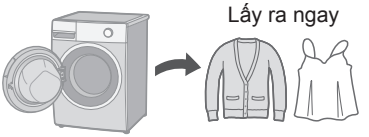

Chỉ sấy

Có thể thay đổi các chế độ sấy tùy thuộc theo quần áo.

1

Bật

2

Chọn

Chế độ sấy: Auto

Auto

3 **Khi cần thiết:**

	Chế độ sấy & chỉ báo	
1 lần	Low	Low
2 lần	30 phút	30
3 lần	60 phút	60
4 lần	90 phút	90
5 lần	120 phút	120
6 lần	180 phút	180
7 lần	210 phút	210

4

Khởi động

Chế độ sấy

Chế độ	Mô tả
Auto	Đối với quần áo không dễ bị nhăn (Tối đa 6,0 kg).
Low	Đối với quần áo nhạy cảm với nhiệt (Tối đa 3,0 kg).
Timed dry	• Đối với quần áo dễ bị nhăn. Đồ dệt trơn mỏng và vải lụa, v.v. • Với lượng đồ giặt nhỏ (Tối đa 0,5 kg). *Thời gian: 30 phút *Sau khi sấy: Lấy ra ngay lập tức • Đối với quần áo nửa khô. *Thời gian: 30 phút và hơn

LƯU Ý

● Mở vòi nước ngay cả khi sấy.

● Cửa bị khóa trong quá trình sấy.

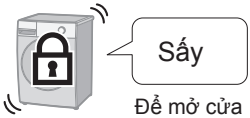

Thay đổi cài đặt chương trình

■ **Chuẩn bị**

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 8)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 12)

1

Bật

2

(Tr. 16)

3 **Thay đổi cài đặt các chương trình.**

Tốc độ vắt

Nhiệt độ

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 18)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4

Khởi động

Nhiệt độ

Thay đổi nhiệt độ giặt.

■ **Hướng dẫn cài đặt**

Thấp	Cao
● Màu ● Bẩn ít ● Chất liệu dễ co rút	● Trắng ● Bẩn nhiều ● Đồ Cotton

3

(Tr. 18)

r/min Tốc độ vắt

Thay đổi tốc độ vắt.

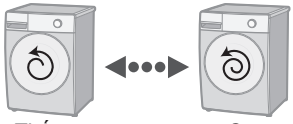

■ Hướng dẫn cài đặt

Thấp	Cao
● Để giảm nếp nhăn	● Để vắt khô hơn

3 (Tr. 19)

■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt

1
Tạm dừng

2

3
Khởi động

ECONAVI

● Chỉ chương trình "Đồ Cotton"

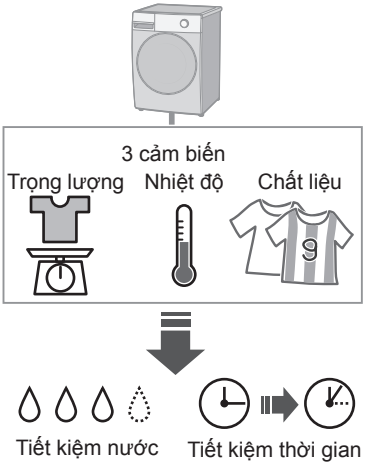

■ Chỉ báo đèn

Đang dò tìm

Đã bật ECONAVI

 Đã tắt ECONAVI

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ **Chuẩn bị**

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 8)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 12)

1

Bật

2

(Tr. 16)

3 **Thay đổi cài đặt các chương trình.**

Giặt/Sấy

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 18)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4

Khởi động

Giặt/Sấy

Chọn một kết hợp giặt, xả và vắt.

(Ví dụ)

Giặt ▸ Xả ▸ Vắt ▸ Sấy

3

LƯU Ý

- Cách chọn chế độ sấy: Tr. 21

Các chương trình GIẶT & SẤY (Tr. 16)

	Giặt, xả và vắt
Auto	Giặt, xả, vắt và sấy (Auto)
Low	Giặt, xả, vắt và sấy (Low)
30	Giặt, xả, vắt và sấy (30 phút)
60	Giặt, xả, vắt và sấy (60 phút)
90	Giặt, xả, vắt và sấy (90 phút)
120	Giặt, xả, vắt và sấy (120 phút)
180	Giặt, xả, vắt và sấy (180 phút)
2 10	Giặt, xả, vắt và sấy (210 phút)
*1 *3	Giặt
*2 *3	Xả
*2 *3	Vắt
*3	Giặt và xả
*3	Giặt và vắt
*2 *3	Xả và vắt

Các chương trình chỉ GIẶT (Tr. 17)

*1	Giặt
*2	Xả
*2	Vắt
	Giặt và xả
	Giặt và vắt
*2	Xả và vắt

*1 Nước được xả ra sau quá trình giặt.

*2 Xả trước nếu có nước trong lồng giặt.

*3 Không thể lựa chọn với chương trình "Ngừa dị ứng".

Chương trình "Vệ sinh lồng giặt" (Tr. 34)

	Giặt, xả và vắt
Auto	Giặt, xả, vắt và sấy (Auto)
Tub Care	Vệ sinh lọc sấy

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ **Chuẩn bị**

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 8)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 12)

1

Bật

2

(Tr. 16)

3 **Thay đổi cài đặt các chương trình.**

Hẹn giờ

Xả tăng cường

Dễ ủi

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 18)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4

Khởi động

Hẹn giờ

Thiết lập máy để kết thúc vận hành sau bao nhiêu giờ. (Tối đa 24 giờ)

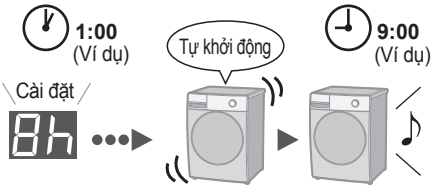

3

Nhấn hoặc giữ

(Ví dụ)

■ **Để kiểm tra thời gian hẹn giờ**

■ **Để hủy cài đặt**

Tắt

(Tất cả cài đặt bị hủy)

LƯU Ý

Khởi động

Tất cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ

- Không khả dụng: Tr. 19

Xả tăng cường

Thêm một lần xả nữa.

3

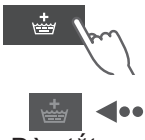

Đèn tắt (Tắt) — Đèn sáng (Bật)

■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt

1

Tạm dừng

2

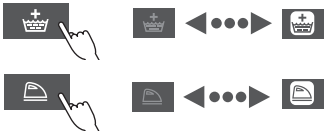

3

Khởi động

Dễ ủi

Vắt nhẹ nhàng (ở tốc độ 700 r/min trở xuống) giúp ủi dễ dàng hơn.

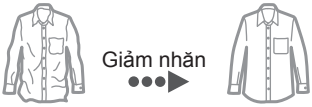

3

Đèn tắt (Tắt) — Đèn sáng (Bật)

LƯU Ý

- Sau khi hoạt động kết thúc

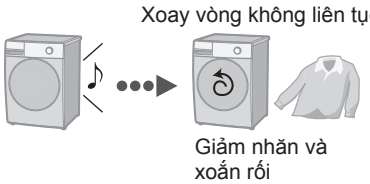

* Các chương trình GIẶT: Tối đa 30 phút
Các chương trình GIẶT & SẤY: Tối đa 120 phút

(Để lấy đồ ra trong quá trình hoạt động)

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ **Chuẩn bị**

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 8)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 12)

1

Bật

2

(Tr. 16)

3 **Thay đổi cài đặt các chương trình.**

Tự động vệ sinh lồng giặt

Blue Ag+

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 18)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4

Khởi động

Tự động vệ sinh lồng giặt

Thêm chu trình làm sạch lồng giặt.

3

S106FX1

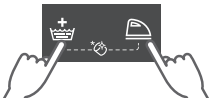

Giữ 5 giây

S96FG1

Đèn tắt (Tắt) — Đèn sáng (Bật)

LƯU Ý

- Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.

Ag+ Blue Ag+

S106FX1

Chức năng diệt khuẩn (Tối đa 3,0 kg).

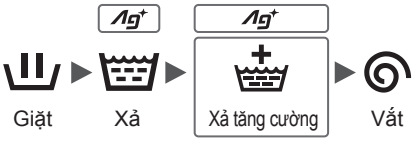

3

Đèn tắt (Tắt) — Đèn sáng (Bật)

■ **Tuổi thọ của hộp Ag+**

- "Blue Ag+" sẽ hoạt động được khoảng 300 đến 350 lần (khoảng 7 năm nếu dùng mỗi tuần một lần).
- Thay hộp này khi thành phần bên trong giảm.

- Thay thế ➡ (Tr. 33)

- Giặt không "Ag+"

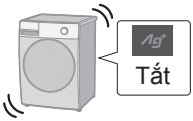

LƯU Ý

- Không sử dụng nước cho các mục đích khác.

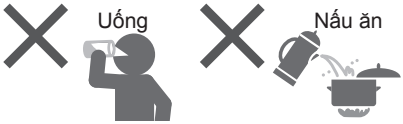

- Các loại quần áo, chất giặt tẩy, nước xả và độ cứng của nước có thể ảnh hưởng đến kết quả.
- Ngừng sử dụng nếu bị ngứa, v.v.

Thay đổi cài đặt thiết bị

Cài đặt Khóa an toàn

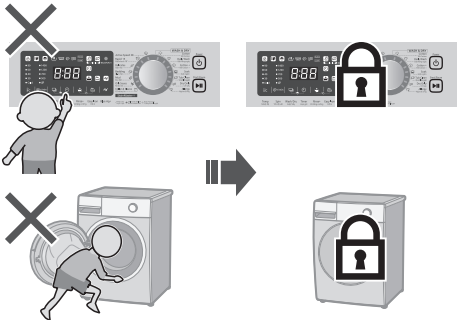

1

Bật

2

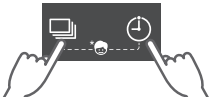

Giữ 5 giây

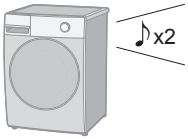

Đèn sáng
(Bật)

■ **Để hủy:**

Quy trình tương tự

Đèn tắt
(Tắt)

Hủy bỏ còi báo

1

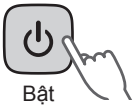

Bật

2

Giữ 5 giây

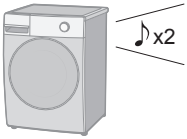

■ **Để đặt lại:**

Quy trình tương tự

Bảo dưỡng

Tấm lọc ống cấp nước

Nếu nước chảy không đều

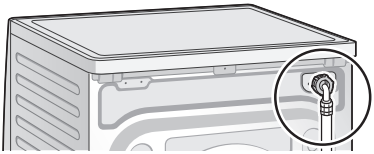

1

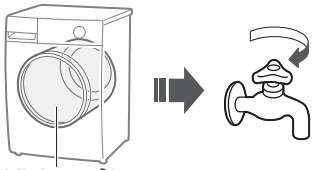

2

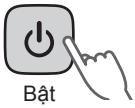

3

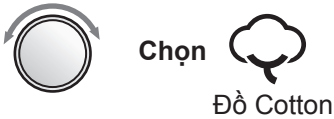

4

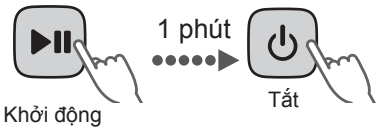

5

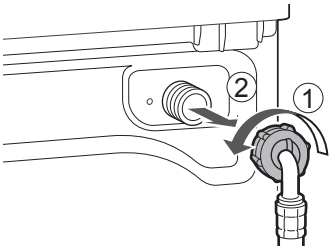

6

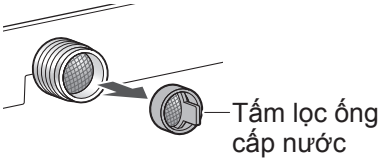

7

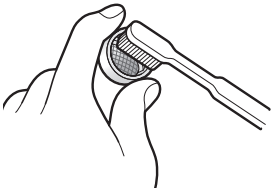

8

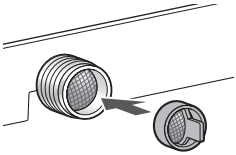

9

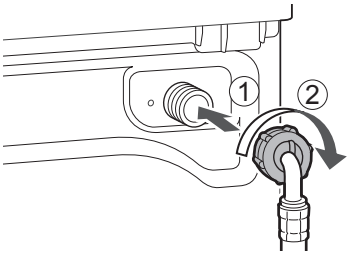

Bảo dưỡng (tiếp)

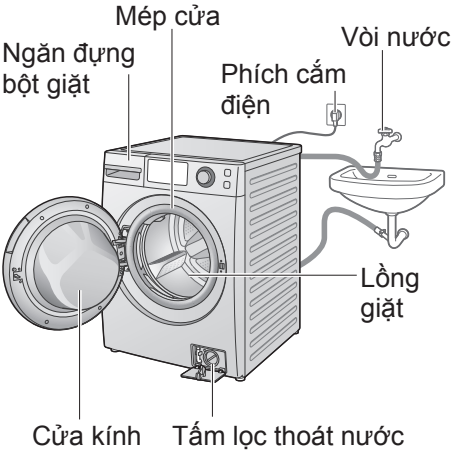

Thiết bị

Mép cửa

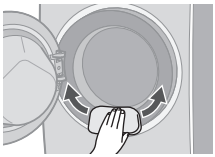

Nếu bẩn nhiều

LƯU Ý

- Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi có hạt cứng, hoặc các sản phẩm có chứa cồn hoặc dầu parafin.

Ngăn đựng bột giặt

1

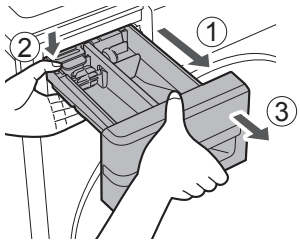

2

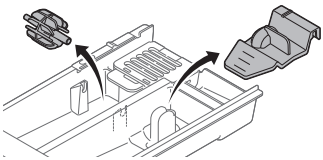

3

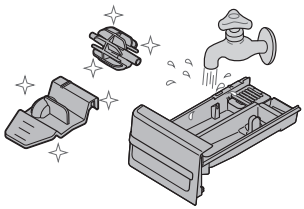

4

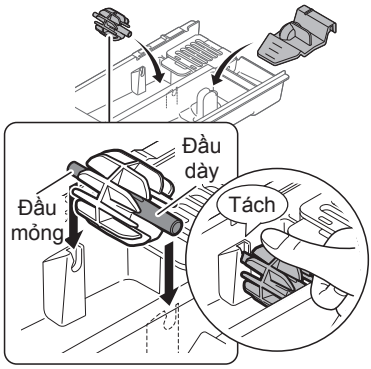

5

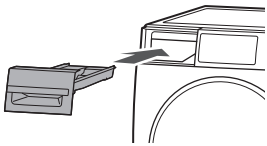

Nếu các thành phần bên trong giảm

■ Thay thế hộp Ag+

S106FX1

1

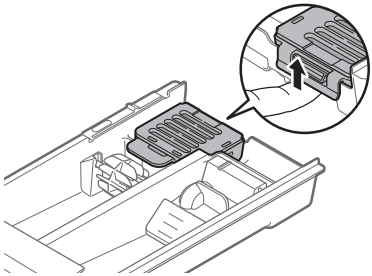

2

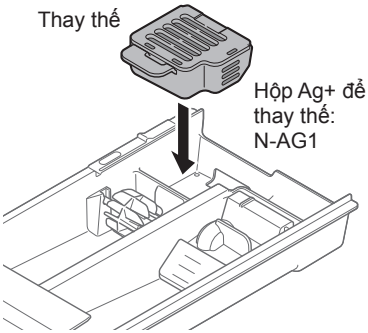

LƯU Ý

- Bạn không thể mở hộp Ag+.

Bảo dưỡng (tiếp)

Lồng giặt

Mỗi tháng một lần hoặc nếu đèn nháy
<Vệ sinh lồng giặt>

1

2

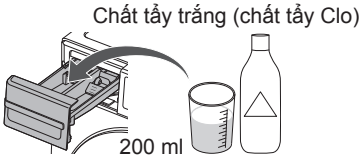

3

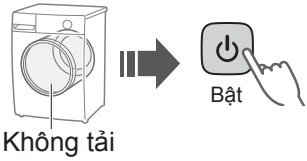

4

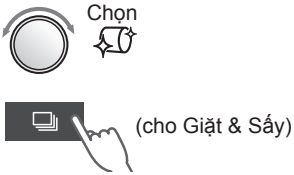

5

Mỗi tháng một lần hoặc nếu đèn và nháy
<Vệ sinh lọc sấy>

1

2

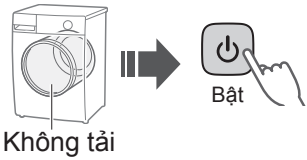

3

4

5

LƯU Ý

- Nếu chương trình “Vệ sinh lồng giặt” không chạy, đèn chỉ báo sẽ tắt khi chương trình khác chạy được 3 lần.

Tấm lọc thoát nước

Mỗi tháng một lần

Đảm bảo đã xả hết nước trong lồng giặt trước quy trình này.

⚠ CẨN THẬN

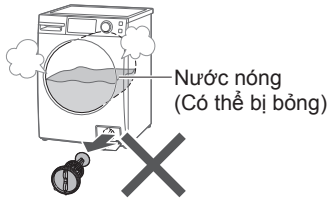

1

2

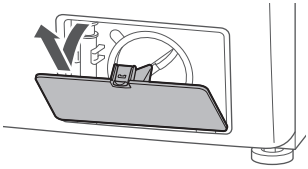

3

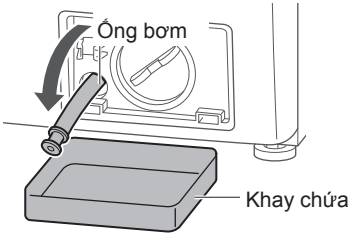

4

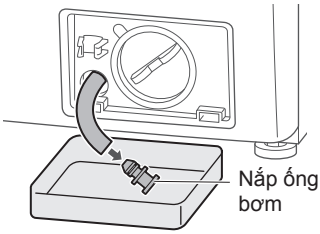

5

6

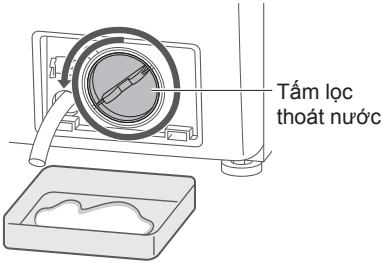

7

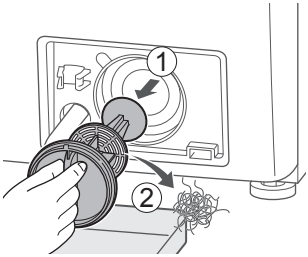

8 **Thay thế**

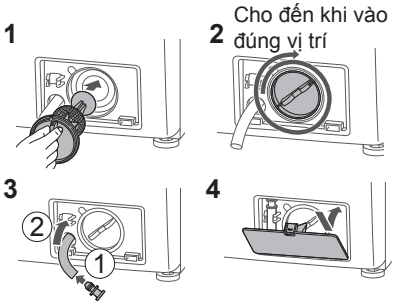

Để có kết quả tốt hơn

Hiện tượng	Lời khuyên để có kết quả tốt
Quần áo bị co rút	Nếu sản phẩm đồ cotton bị co rút do quá trình sấy ● Làm ẩm và căng ra.
Cảm nhận ở tay thay đổi do có nhiều nếp nhăn	● Giảm lượng đồ giặt. ● Chọn chế độ sấy. (Tr. 21) Tùy thuộc vào quần áo ● Sau khi sấy Lấy ra ngay
• **Sấy không đủ khô** • **Sấy không khô đều**	● Giảm lượng đồ giặt. ● Mở vòi nước.
Cảm thấy thô ráp	● Khi cảm thấy khăn bị thô ráp sau khi giặt Nước xả vải Nếu vẫn cảm thấy thô ráp Sấy
Nhiều xơ vải	● "Xả tăng cường" hoặc "Vệ sinh lồng giặt" Tr. 27 hoặc Tr. 34

Xử lý sự cố

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Chạm vào nút bấm Không có phản ứng	☐Nguyên nhân có thể ● Trong một hoạt động ☐Thử ● Khóa an toàn (Tr. 30) (Tắt)
	Không vận hành	☐Kiểm tra ● Mất điện ● Hẹn giờ ☐Thử ● Đóng cửa. ● Mở nước. ● Rút phích cắm và cắm lại. ① (30 giây) ② ● Nhấn "Khởi động". ● Bật cầu dao lên.
	Mùi cao su	☐Nguyên nhân có thể Các bộ phận cao su → Theo thời gian → Không còn mùi ☐Thử Vệ sinh lồng giặt (Tr. 34)

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	**Cửa không mở**	☐Nguyên nhân có thể ● Trong một hoạt động (Giặt hoặc sấy) Cửa bị khóa. Để mở cửa trong khi vận hành (Tr. 14) ☐Kiểm tra ● Nhiệt độ 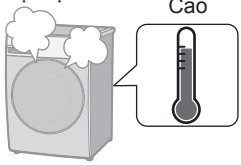 ● Mức nước 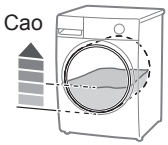 ☐Thử ● Khóa an toàn (Tr. 30) ● Trong một hoạt động 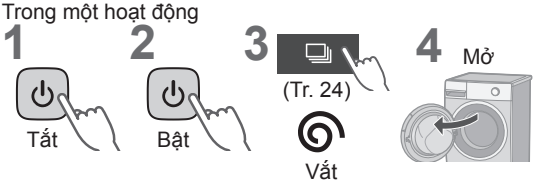 LƯU Ý 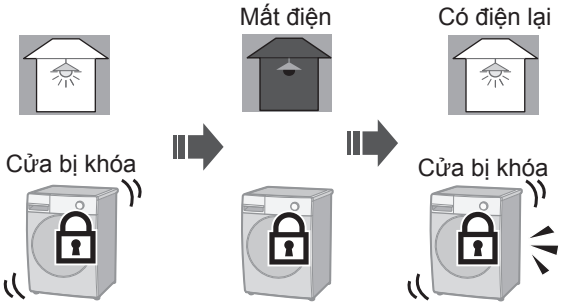

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Chất giặt tẩy và bọt	**Sau khi giặt**	☐Kiểm tra 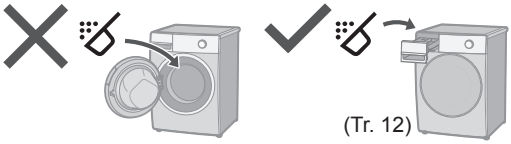
	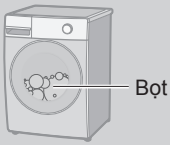	☐Nguyên nhân có thể ● Lượng bọt sẽ khác nhau. ● Nhiệt độ ● Mức nước ● Độ mềm của nước
	Không đủ	☐Kiểm tra ● Bột giặt 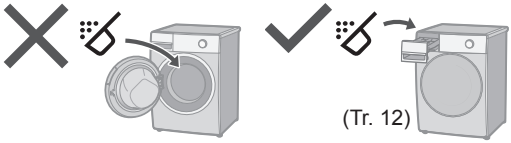 ● Quá ít chất giặt tẩy ● Chất giặt tẩy ít bọt ● Bẩn nhiều ● Tải quá lớn
	Quá nhiều	☐Kiểm tra ● Quá nhiều chất giặt tẩy 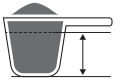

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Giặt	Trong khi giặt 	☐Nguyên nhân có thể
Sấy	**Thời gian sấy quá dài** 	☐Kiểm tra ● Quá nhiều ● Quá lạnh 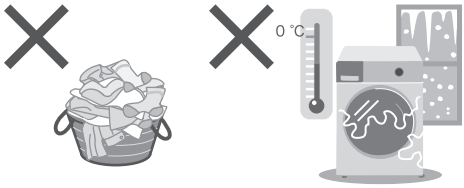 ☐Thử ● Kiểm tra vị trí 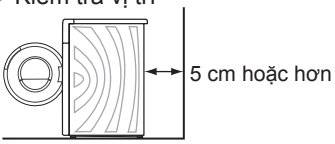

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Xả/Vắt	Trong quá trình vắt 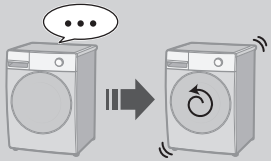 **Dừng** **Quay một vài lần**	☐Nguyên nhân có thể 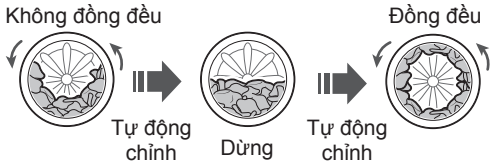 ☐Thử 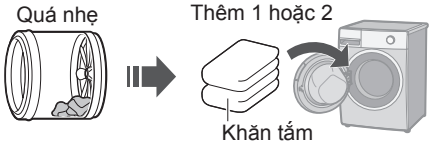
	Sau khi giặt 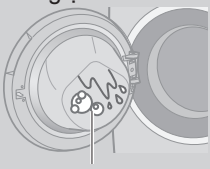 **Bọt hoặc nước**	☐Thử 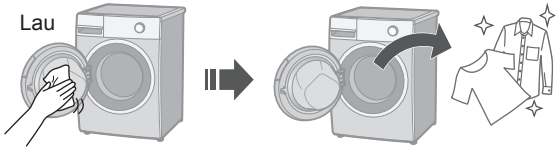
	Vắt thay đổi sang xả Vắt Xả	☐Nguyên nhân có thể ● Nếu quần áo không đồng đều, máy sẽ tự động lấy lại trạng thái cân bằng/đồng đều bằng cách quay về quy trình xả. 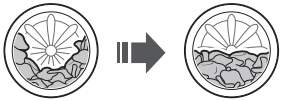
Đồ giặt	**Nếu đồ giặt màu vàng** Vàng	☐Thử 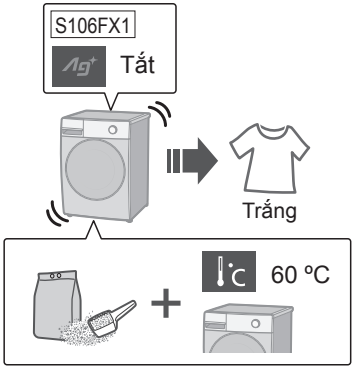

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	**Trong khi giặt** Thời gian hiển thị 0:57 ••• ▶ 0:59 Thay đổi	☐Nguyên nhân có thể ● Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình hoạt động. 0:57 Xấp xỉ ➡ 0:59 Đã điều chỉnh ● Nếu cài đặt thay đổi ● Nếu quần áo không đồng đều ➡ Thời gian còn lại có thể tăng lên.
	Thời gian còn lại Không giảm 0:57 ••• ▶ 0:57 **hoặc** Giảm đột ngột 0:57 ••• ▶ 0:40	☐Nguyên nhân có thể Thời gian hiển thị là một hướng dẫn.
Tiếng ồn	**Trong khi xả nước**	☐Nguyên nhân có thể ● Điều này là bình thường. Bơm thoát nước đang hoạt động.
	Tiếng quạt quay	☐Nguyên nhân có thể ● Điều này là bình thường. Quạt này sẽ làm mát các bộ phận điện.

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Tiếng ồn	**Tiếng ồn (hoặc rung) bất thường** 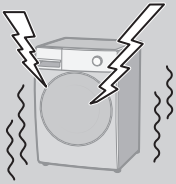	☐Kiểm tra ● Các vật kim loại 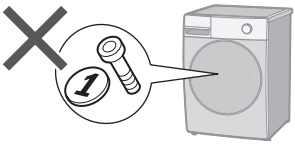 ● Bulông neo bệ máy (Tr. 48) 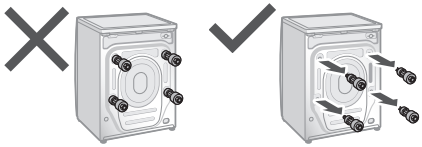 ● Độ dốc hoặc bề mặt không ổn định ● Điều chỉnh 4 chân 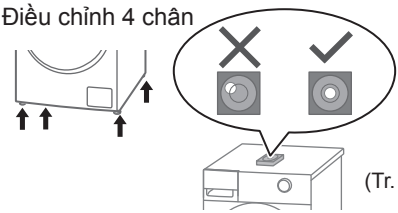 (Tr. 48)
Khác	Mất điện Cầu dao	☐Kiểm tra ● Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại. 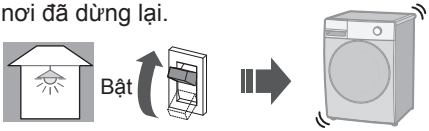

Lỗi hiển thị

Lỗi hiển thị	Điểm cần kiểm tra
U04 **Không thể sấy**	1 2 Không tải Bật 3 Chọn 4 x2 Sáng 5 Khởi động * Nếu lỗi U04 thường xuyên xuất hiện:
U11 **Không thể xả nước**	1 Kiểm tra 2 3 Khởi động 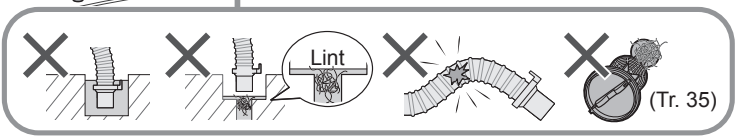 (Tr. 35)
U12 **Cửa đang mở**	1 2 Khởi động
U13 **Không thể vắt**	1 Kiểm tra 2 3 Khởi động
U14 **Không thể cấp nước**	1 Kiểm tra 2 3 Khởi động 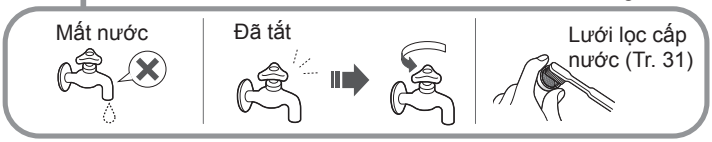

Lỗi hiển thị	Điểm cần kiểm tra
U 15 **Không thể xả nước trong khi sấy**	**1** Tắt **2** Kiểm tra ống xả nước (Tham khảo lỗi U11) **3** Vắt + Sấy
U 17 **Không thể vắt**	**1** Khởi động lại: Tắt ▶ Bật **2** Chạy "Giặt nhanh 15" ● Lần giặt sau: Chất giặt tẩy ít bọt
H □□	**1** **2** **3**

■ Thông tin

hot **Không thể mở**	Nóng Đang sấy (Tr. 14) **Giữ 5 giây** Bắt đầu làm mát 5 đến 25 phút

Chọn đúng chỗ

Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

Kích thước sản phẩm

(mm)

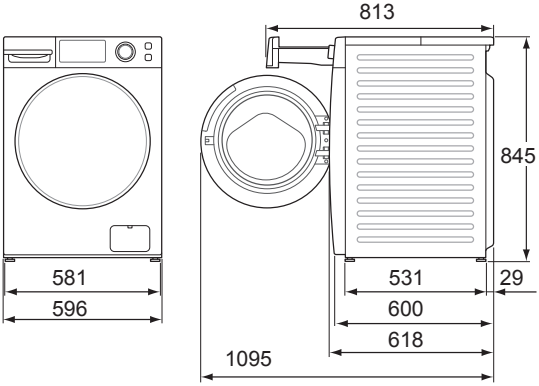

■ Lắp đặt vào trong

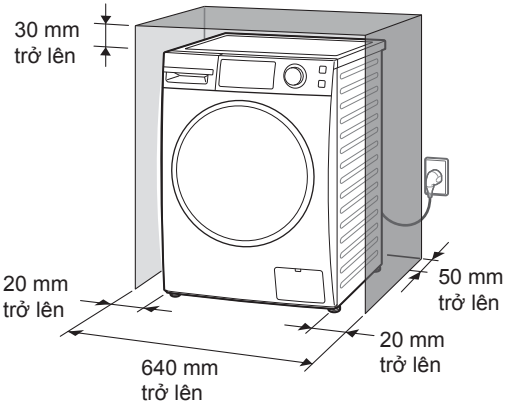

- Không để các bộ phận kim loại của thiết bị tiếp xúc với bồn kim loại hoặc các thiết bị khác.

Kiểm tra vị trí.

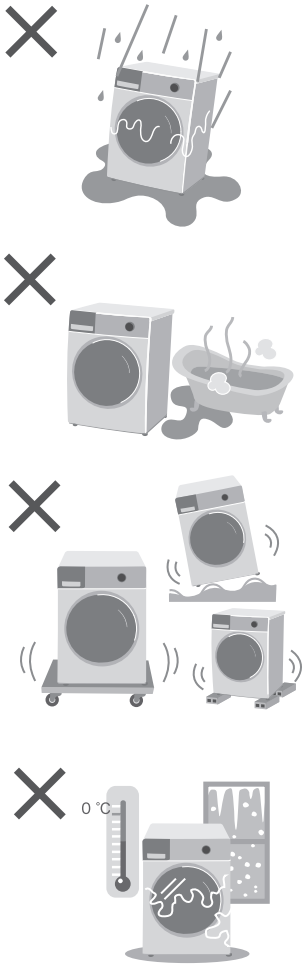

Di chuyển và Lắp đặtg

Vận chuyển thiết bị

Không thực hiện một mình.

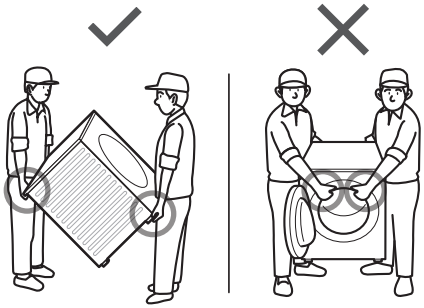

Lắp đặt tấm đáy

1

2

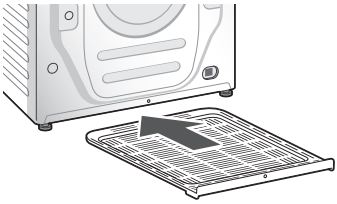

3

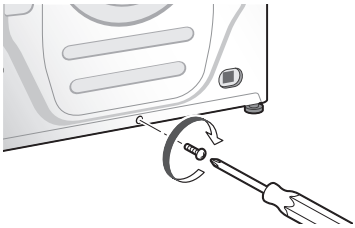

Di chuyển và Lắp đặt (tiếp)

Tháo các bulông neo bệ máy

1

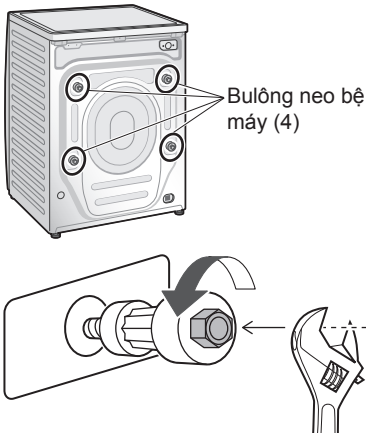

2

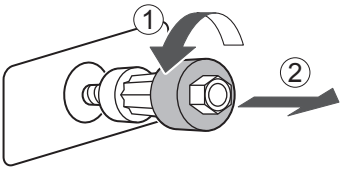

3

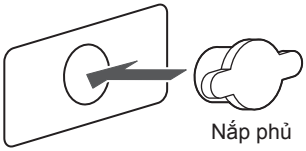

LƯU Ý

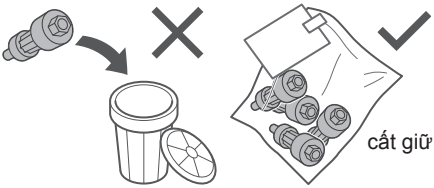

■ **Di chuyển thiết bị một lần nữa**

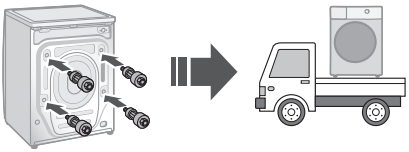

Cân bằng thiết bị

1

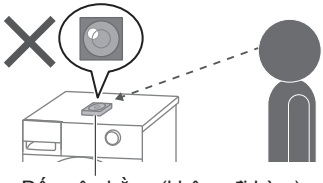

2

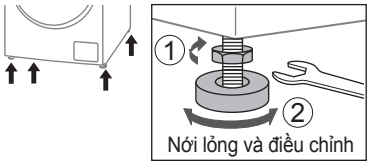

3

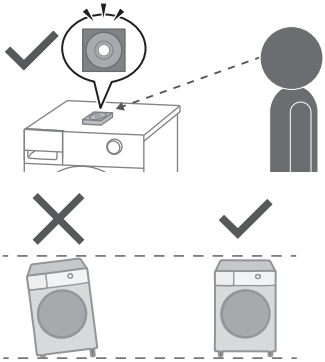

4

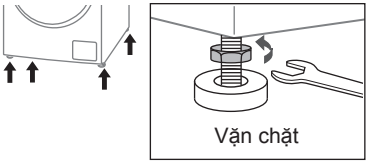

LƯU Ý

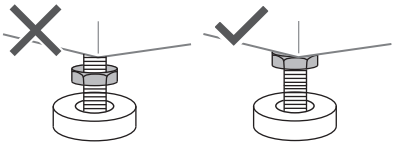

Nối đường ống

Kết nối các ống đúng cách để tránh rò rỉ nước.

Khoảng cách kết nối tối đa cho các ống và dây nguồn

Kết nối bên phải

(cm)

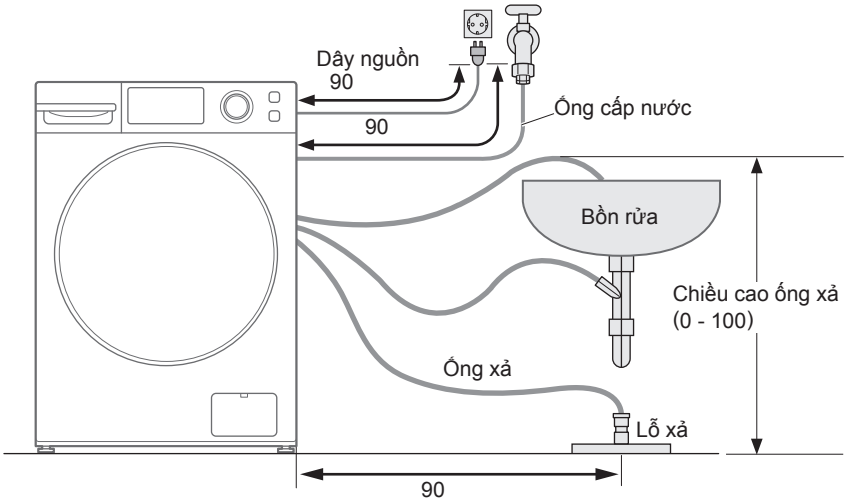

Kết nối bên trái

(cm)

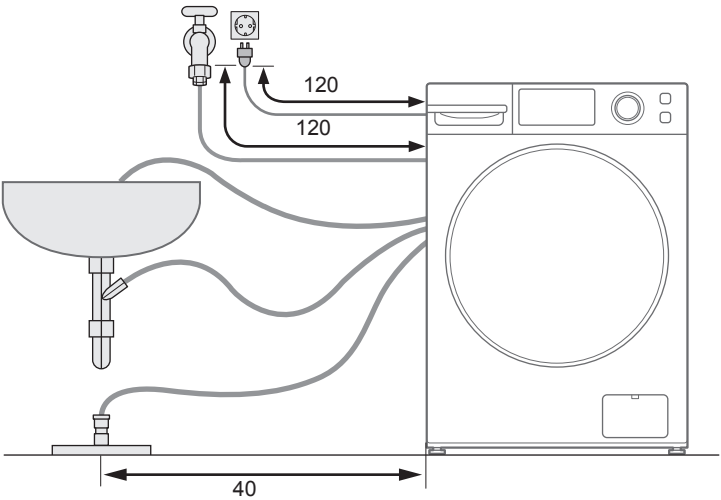

Nối đường ống (tiếp)

Ống cấp nước

■ Nối ống cấp nước

⚠ CẨN THẬN

- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

1

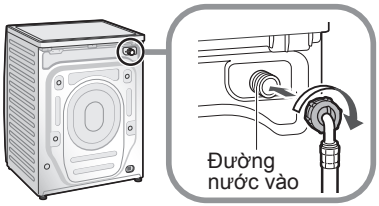

2

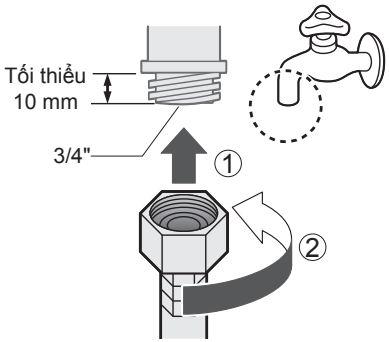

3

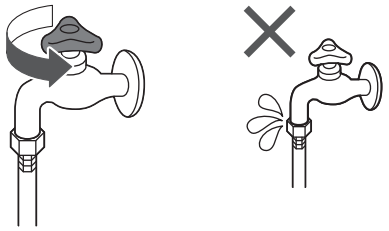

Ống xả

■ Thoát nước vào bồn rửa hoặc chậu rửa

CHÚ Ý

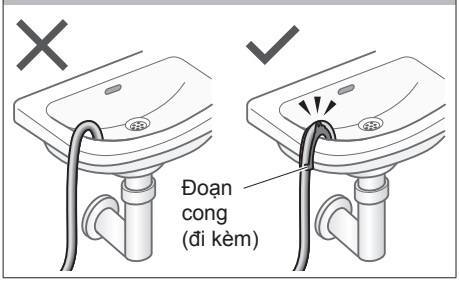

■ Thoát nước vào ống đứng

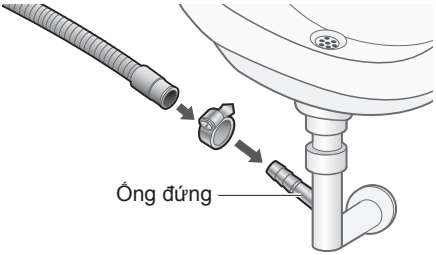

■ Thoát nước vào ống xả

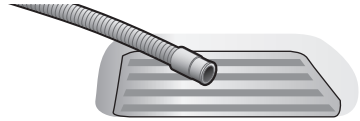

LƯU Ý

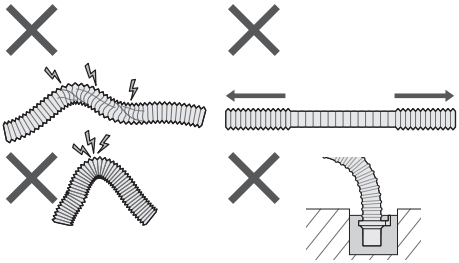

Chạy thử

1

2

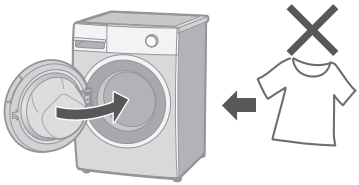

3

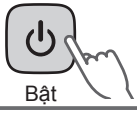

4

Giặt nhanh 15'

5

Kiểm tra sau khi chạy thử

Sự cố	Nguyên nhân và biện pháp
Rò rỉ nước	Nối ống cấp nước đúng cách 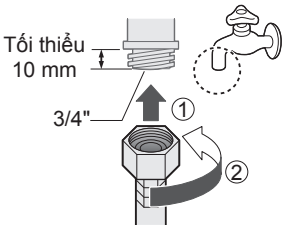
	● Tháo các bulông neo bệ máy (Tr. 48) 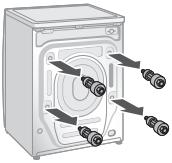 ● Lắp đặt ổn định 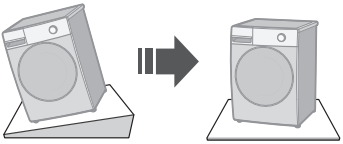
Lỗi hiển thị 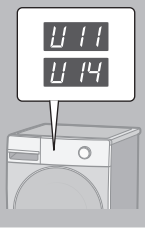	Xem Tr. 44.

Thông số kỹ thuật

		NA-S106FX1	NA-S96FG1
Điện áp định mức (V)		220 - 240	
Tần số định mức (Hz)		50	
Công suất điện năng tối đa (W)		1740 - 2000	
Công suất điện năng gia nhiệt (W)	Để giặt	1470 - 1540	
	Để sấy	1400 - 1600	
Tốc độ vắt tối đa (r/min)		1400	
Kích thước sản phẩm (Rộng x Dài x Cao) (mm)		596 × 600 × 845	
Trọng lượng sản phẩm (kg)		78	
Khối lượng giặt tối đa (Vải khô) (kg)		10,0	9,0
Khối lượng sấy tối đa (Vải khô) (kg)		6,0	
Áp suất nước máy (MPa)		0,01 - 1	

Panasonic Corporation
http://www.panasonic.com
© Panasonic Appliances (Vietnam) Co., Ltd. 2020
A1020-0(V)
In tại Việt Nam
10-2020